

B. Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể là tối đa, mức tử vong là tối thiểu.

C. Khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể là tối đa, mức tử vong là tối thiểu.

D. Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn nhỏ hơn mức tử vong.

Câu 7. Kiểu phân bố nào thường gặp khi điều kiện sống phân bố một cách đồng đều?

A. Phân bố đồng đều.

B. Phân bố đồng đều và phân bố ngẫu nhiên.

C. Phân bố ngẫu nhiên.

D. Phân bố theo nhóm.

Câu 8. Có mấy loại diễn thế sinh thái?

A. 2

B. 4

C. 1

D. 3

Câu 9. Một quần thể ếch đồng có số lượng cá thể tăng vào mùa mưa, giảm vào mùa khô.

Đây là kiểu biến động

A. không theo chu kì.

B. theo chu kì mùa

C. theo chu kì nhiều năm.

D. theo chu kì tuần trăng.

Câu 10. Đặc trưng nào sau đây không phải là đặc trưng của quần thể?

A. Mật độ cá thể.

B. Tỷ lệ các nhóm tuổi.

C. Tỷ lệ đực, cái.

D. Đa dạng loài.

Câu 11. Nơi ở là

A. nơi có đầy đủ các yếu tố thuận lợi cho sự tồn tại của sinh vật.

B. khu vực sinh sống của sinh vật.

C. nơi cư trú của loài.

D. khoảng không gian sinh thái.

Câu 12. Sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài sẽ làm

A. tăng mật độ cá thể của quần thể, khai thác tối đa nguồn sống của môi trường.

B. suy thoái quần thể do các cá thể cùng loài tiêu diệt lẫn nhau.

C. tăng số lượng cá thể của quần thể, tăng cường hiệu quả nhóm.

D. giảm số lượng cá thể của quần thể đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể tương ứng với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.

Câu 13. Nhân tố sinh thái vô sinh bao gồm

A. đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, các nhân tố vật lý bao quanh sinh vật.

B. tất cả các nhân tố vật lý hoá học của môi trường xung quanh sinh vật.

C. đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, các chất hoá học của môi trường xung quanh sinh vật.

D. đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, nhiệt độ của môi trường xung quanh sinh vật.

Câu 14. Loài ưu thế là loài có vai trò quan trọng trong quần xã do

A. sức sống mạnh, sinh khối lớn, hoạt động mạnh.

B. số lượng cá thể nhiều.

C. có khả năng tiêu diệt các loài khác.

D. số lượng cá thể nhiều, sinh khối lớn, hoạt động mạnh.

Câu 15. Trong tự nhiên, khi kích thước của quần thể giảm dưới mức tối thiểu thì

A. quần thể không thể rơi vào trạng thái suy giảm và không bị diệt vong

B. khả năng sinh sản tăng do các cá thể đực, cái có nhiều cơ hội gặp nhau hơn.

C. quần thể dễ rơi vào trạng thái suy giảm dẫn tới diệt vong.

D. quần thể luôn có khả năng tự điều chỉnh trở về trạng thái cân bằng.

Câu 16. Trong các mối quan hệ sinh học giữa các loài sau đây, quan hệ nào là kiểu quan hệ cạnh tranh?

A. Chim ăn sâu và sâu ăn lá

B. Lúa và cỏ dại trong cùng một ruộng lúa.

C. Lợn và giun đũa sống trong ruột lợn.

D. Mối và trùng roi sống trong ruột mối.

Câu 17. Hiện tượng nào sau đây phản ánh dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật không theo chu kì?

A. Ở đồng rêu phương Bắc, cứ 3 năm đến 4 năm, số lượng cáo lại tăng lên gấp 100 lần và sau đó lại giảm

B. Ở Việt Nam, vào mùa xuân khí hậu ẩm áp, sâu hại thường xuất hiện nhiều.

C. Ở Việt Nam, hàng năm vào thời gian thu hoạch lúa, ngô, ... chim cu gáy thường xuất hiện nhiều.

D. Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng ếch nhái giảm vào những năm có mùa đông giá rét, nhiệt độ xuống dưới 8°C .

Câu 18. Quan hệ giữa động vật ăn cỏ với vi khuẩn phân giải xelulôzơ thuộc quan hệ

A. cộng sinh.

B. hợp tác.

C. hội sinh

D. cạnh tranh.

Câu 19. Trong quần xã sinh vật, kiểu quan hệ giữa hai loài, trong đó một loài có lợi còn loài kia không có lợi cũng không có hại là

- A. quan hệ hội sinh. B. quan hệ ức chế - cảm nhiễm.
C. quan hệ cộng sinh. D. quan hệ vật chủ - vật kí sinh.

Câu 20. Giới hạn sinh thái về nhiệt độ của 4 loài A; B; C; D lần lượt là: 10 - 38,5°C ; 10,6 - 32°C ; 5 - 44°C; 8 - 32°C. Loài có khả năng phân bố rộng nhất và hẹp nhất là:

- A. C và D B. C và A C. C và B D. B và A

Câu 21. Diễn thế nguyên sinh

- A. thường dẫn tới một quần xã bị suy thoái.
B. khởi đầu từ môi trường chưa có sinh vật.
C. khởi đầu từ môi trường đã có một quần xã tương đối ổn định.
D. xảy ra do hoạt động chặt cây, đốt rừng,... của con người.

Câu 22. Những loài có giới hạn sinh thái hẹp đối với nhiều yếu tố sinh thái chúng có vùng phân bố

- A. hẹp. B. hạn chế. C. vừa phải. D. rộng.

Câu 23. Khi nói về sự phân bố cá thể trong quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. Phân bố theo nhóm thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
B. Phân bố ngẫu nhiên thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
C. Phân bố theo nhóm là kiểu phân bố phổ biến nhất, giúp các cá thể hỗ trợ nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường.
D. Phân bố đồng đều có ý nghĩa làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể.

Câu 24. Một số cây cùng loài sống gần nhau có hiện tượng rễ của chúng nối với nhau (liền rễ). Hiện tượng này thể hiện mối quan hệ

- A. hỗ trợ cùng loài. B. hỗ trợ khác loài.
C. cộng sinh. D. cạnh tranh cùng loài.

Câu 25. Hiện tượng số lượng cá thể của quần thể này bị số lượng cá thể của quần thể khác kìm hãm là hiện tượng

- A. cạnh tranh giữa các loài. B. cạnh tranh cùng loài.

C. không chế sinh học.

D. đấu tranh sinh tồn.

Câu 26. Các cây tràm ở rừng U minh là loài

A. đặc biệt.

B. có số lượng nhiều.

C. đặc trưng.

D. ưu thế.

Câu 27. Trong cùng một thủy vực, người ta thường nuôi ghép các loài cá mè trắng, mè hoa, trắm cỏ, trắm đen, rô phi, cá chép để

A. tăng tính đa dạng sinh học trong ao.

B. thoả mãn nhu cầu thị hiếu khác nhau của người tiêu thụ.

C. thu được nhiều sản phẩm có giá trị khác nhau.

D. tận dụng tối đa nguồn thức ăn có trong ao.

Câu 28. Hiện tượng không chế sinh học có thể xảy ra giữa các quần thể

A. chim sâu và sâu đo.

B. cá rô phi và cá chép.

C. ếch đồng và chim sẻ.

D. tôm và tép.

Câu 29. Trong mối quan hệ giữa một loài hoa và loài ong hút mật hoa đó thì

A. cả hai loài đều có lợi.

B. loài ong có lợi còn loài hoa bị hại.

C. cả hai loài đều không có lợi cũng không bị hại.

D. loài ong có lợi còn loài hoa không có lợi cũng không bị hại gì.

Câu 30. Khi các yếu tố của môi trường sống phân bố không đồng đều và các cá thể trong quần thể có tập tính sống thành bầy đàn thì kiểu phân bố của các cá thể trong quần thể này là

A. phân bố theo nhóm.

B. phân bố theo độ tuổi.

C. phân bố ngẫu nhiên.

D. phân bố đồng đều.

Câu 31. Quan hệ chặt chẽ giữa hai hay nhiều loài mà tất cả các loài tham gia đều có lợi là mối quan hệ

A. kí sinh.

B. ức chế - cảm nhiễm.

C. hội sinh.

D. cộng sinh.

Câu 32. Đặc trưng nào có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hiệu quả sinh sản của quần thể trong điều kiện môi trường thay đổi?

A. Tỷ lệ giới tính.

B. Mật độ cá thể.

C. Nhóm tuổi.

D. Kích thước của quần thể.

Câu 33. Kiểu phân bố nào là phổ biến nhất trong tự nhiên?

A. Phân bố theo nhóm

B. Phân bố ngẫu nhiên

C. Phân bố theo độ tuổi

D. Phân bố đồng đều

Câu 34. Thú có túi sống phổ biến ở khắp châu Úc. Cừu được nhập vào châu Úc, thích ứng với môi trường sống mới dễ dàng và phát triển mạnh, giành lấy những nơi ở tốt, làm cho nơi ở của thú có túi phải thu hẹp lại. Quan hệ giữa cừu và thú có túi trong trường hợp này là mối quan hệ

- A. ức chế - cảm nhiễm
B. hội sinh.
C. động vật ăn thịt và con mồi.
D. cạnh tranh khác loài.

Câu 35. Môi trường sống là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố sinh thái

- A. vô sinh và hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống của sinh vật.
B. vô sinh và hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của sinh vật.
C. hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của sinh vật.
D. hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống của sinh vật.

Câu 36. Quan hệ giữa giun sán với người thuộc quan hệ

- A. cộng sinh
B. hợp tác.
C. cạnh tranh.
D. kí sinh.

Câu 37. Khi nói về mật độ cá thể của quần thể, phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. Khi mật độ cá thể của quần thể giảm, thức ăn dồi dào thì sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài giảm.
B. Mật độ cá thể của quần thể luôn cố định, không thay đổi theo thời gian và điều kiện sống của môi trường.
C. Khi mật độ cá thể của quần thể tăng quá cao, các cá thể cạnh tranh nhau gay gắt.
D. Mật độ cá thể có ảnh hưởng tới mức độ sử dụng nguồn sống trong môi trường.

Câu 38. Tập hợp sinh vật nào sau đây là quần thể sinh vật?

- A. Những con cá sống trong Hồ Tây.
B. Những con tê giác một sừng sống trong Vườn Quốc gia Cát Tiên.
C. Những cây cỏ sống trên đồng cỏ Ba Vì.
D. Những con chim sống trong rừng Cúc Phương.

Câu 39. Quần thể là một tập hợp cá thể

- A. cùng loài, cùng sống trong 1 khoảng không gian xác định, vào một thời điểm xác định, có khả năng sinh sản tạo thế hệ mới.
B. cùng loài, sống trong 1 khoảng không gian xác định, có khả năng sinh sản tạo thế hệ mới.
C. khác loài, sống trong 1 khoảng không gian xác định vào một thời điểm xác định.
D. cùng loài, cùng sống trong 1 khoảng không gian xác định, vào một thời điểm xác định.

Câu 40. Trạng thái cân bằng của quần thể là trạng thái số lượng cá thể ổn định do

- A. sức sinh sản tăng, sự tử vong giảm.
- B. sức sinh sản giảm, sự tử vong tăng.
- C. sức sinh sản giảm, sự tử vong giảm.
- D. sự tương quan giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử.

----- Hết -----



1. B	2. C	3. D	4. A	5. B
6. B	7. B	8. A	9. B	10. D
11. C	12. D	13. B	14. D	15. C
16. B	17. D	18. A	19. A	20. C
21. B	22. A	23. A	24. A	25. C
26. C	27. D	28. A	29. A	30. A
31. D	32. A	33. A	34. D	35. A
36. D	37. B	38. B	39. A	40. D

Câu 1.

Trong cùng 1 môi trường, hai loài có cùng nguồn thức ăn sẽ cạnh tranh với nhau

Chọn B

Câu 2

Quan hệ giữa chim sáo và trâu thuộc mối quan hệ hợp tác, cả 2 loài cùng có lợi mà chúng không nhất thiết phải hợp tác với nhau

Chọn C

Câu 3

Chọn B

Câu 4.

Những yếu tố không phụ thuộc vào mật độ cá thể là các yếu tố vô sinh

Chọn A

Câu 5

Mối quan hệ vật kí sinh – vật chủ và mối quan hệ vật dữ - con mồi đều là mối quan hệ đối kháng

A sai, không phải khi nào con mồi cũng nhỏ hơn vật ăn thịt: VD trâu rừng và sư tử

C sai, giun đũa ký sinh ở ruột người có số lượng lớn hơn người

D sai, mối quan hệ kí sinh không làm chết loài bị hại mà chỉ làm cho loài đó yếu đi

Chọn B

Câu 6.

Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể là tối đa, mức tử vong là tối thiểu.

Câu 7.

Khi nguồn sống phân bố đồng đều thì các cá thể phân bố ngẫu nhiên hoặc phân bố đều

Chọn B

Câu 8.

Có 2 loại diễn thế sinh thái là diễn thế thứ sinh và diễn thế vô sinh

Chọn A

Câu 9.

Đây là biến động theo chu kỳ mùa

Chọn B

Câu 10.

Đa dạng loài là đặc trưng của quần xã

Chọn D

Câu 11.

Nơi ở là nơi cư trú của loài.

Chọn C

Câu 12.

Sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài sẽ làm giảm số lượng cá thể của quần thể đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể tương ứng với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.

Chọn D

Câu 13.

Nhân tố sinh thái vô sinh bao gồm tất cả các nhân tố vật lý hoá học của môi trường xung quanh sinh vật.

Chọn B

Câu 14.

Loài ưu thế là loài có vai trò quan trọng trong quần xã do chúng có số lượng cá thể nhiều, sinh khối lớn, hoạt động mạnh

Chọn D

Câu 15.

Khi kích thước của quần thể giảm dưới mức tối thiểu thì quần thể dễ rơi vào trạng thái suy giảm dẫn tới diệt vong.

Chọn C

Câu 16.

Lúa và cỏ dại trong cùng một ruộng lúa có mối quan hệ cạnh tranh là vì chúng có chung nguồn dinh dưỡng

Chọn B

Câu 17.

VD D không phải biến động số lượng cá thể theo chu kỳ vì chỉ những năm nào có nhiệt độ thấp thì số lượng ếch nhái mới giảm

Chọn D

Câu 18.

Mối quan hệ giữa động vật ăn cỏ với vi khuẩn phân giải xenlulôzơ là mối quan hệ cộng sinh, hai loài cùng có lợi và bắt buộc phải hợp tác với nhau

Chọn A

Câu 19.

Đây là mối quan hệ hội sinh

Chọn A

Câu 20.

Loài có phân bố rộng nhất là C

Loài có phân bố hẹp nhất là B

Chọn C

Câu 21.

Diễn thế nguyên sinh xảy ra ở môi trường chưa có sinh vật

Chọn B

Câu 22.

Những loài có giới hạn sinh thái hẹp đối với nhiều yếu tố sinh thái chúng có vùng phân bố hẹp

Chọn A

Câu 23.

Phát biểu sai là A, phân bố theo nhóm xảy ra khi điều kiện môi trường phân bố không đều và sự cạnh tranh ít

Chọn A

Câu 24.

Đây là hiện tượng hỗ trợ cùng loài

Chọn A

Câu 25.

Đây là hiện tượng khống chế sinh học.

VD: ong mắt đỏ - sâu đục thân

Chọn C

Câu 26.

Các cây tràm ở rừng U minh là loài đặc trưng

Chọn C

Câu 27.

Trong cùng một thủy vực, người ta thường nuôi ghép các loài cá mè trắng, mè hoa, trắm cỏ, trắm đen, rô phi, cá chép để tận dụng tối đa nguồn thức ăn có trong ao do chúng có thức ăn khác nhau

Chọn D

Câu 28.

Hiện tượng khống chế sinh học có thể xảy ra giữa các quần thể có mối quan hệ vật ăn thịt – con mồi

Chọn A

Câu 29.

Đây là mối quan hệ mà cả 2 cùng có lợi, ong giúp hoa thụ phấn, hoa cung cấp mật hoa cho ong

Chọn A

Câu 30.

Khi các yếu tố của môi trường sống phân bố không đồng đều và các cá thể trong quần thể có tập tính sống thành bầy đàn thì kiểu phân bố này là theo nhóm

Chọn A

Câu 31.

Đây là mối quan hệ cộng sinh

Chọn D

Câu 32.

Tỷ lệ giới tính có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hiệu quả sinh sản của quần thể trong điều kiện môi trường thay đổi (SGK trang 161)

Chọn A

Câu 33.

Trong tự nhiên kiểu phân bố theo nhóm là phổ biến nhất

Chọn A

Câu 34.

Mối quan hệ giữa 2 loài này là cạnh tranh khác loài

Chọn D

Câu 35.

Môi trường sống là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố vô sinh và hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống của sinh vật.

Chọn A

Câu 36.

Giun sán ký sinh ở người

Chọn D

Câu 37.

Phát biểu sai là B, mật độ cá thể thay đổi theo thời gian, điều kiện sống của môi trường

Chọn B

Câu 38.

Quần thể sinh vật là tập hợp những cá thể cùng loài, sinh sống trong một khoảng không gian nhất định, ở một thời điểm nhất định. Những cá thể trong quần thể có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới.

Ví dụ B là quần thể sinh vật, các ví dụ khác đều gồm nhiều loài sinh vật

Chọn B

Câu 39.

Quần thể là một tập hợp cá thể cùng loài, cùng sống trong 1 khoảng không gian xác định, vào một thời điểm xác định, có khả năng sinh sản tạo thế hệ mới

Chọn A

Câu 40.

Trạng thái cân bằng của quần thể là trạng thái số lượng cá thể ổn định do sự tương quan giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử

Chọn D